

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2009);

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2009 - gọi chung là Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004) về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Công an xã, phường, thị trấn (gọi chung là Công an cấp xã), đồn, trạm Công an; hoạt động điều tra hình sự của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Công an cấp xã, đồn, trạm Công an.
2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và hoạt động điều tra vụ án hình sự do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thụ lý, giải quyết.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội* là vụ án hình sự đã có căn cứ xác định được từ một đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trở lên.
2. *Vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội* là vụ án hình sự chưa có căn cứ xác định đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.
3. *Trọng án* là vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 - gọi chung là Bộ luật hình sự năm 1999).

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động điều tra trong Công an nhân dân

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Tôn trọng sự thật, bảo đảm nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện; phát hiện làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người có hành vi phạm tội; không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.
3. Chỉ Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại Thông tư này được tiến hành điều tra các vụ án hình sự.
4. Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên.
5. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về mọi hành vi và quyết định của mình.

6. Thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được xác định theo thẩm quyền điều tra.

Điều 5. Thẩm định vụ án hình sự

1. Thẩm định vụ án hình sự là hoạt động của Thủ trưởng Cơ quan điều tra nhằm nghiên cứu, kiểm tra về nội dung, trình tự, thủ tục, kết quả điều tra vụ án hình sự thông qua hồ sơ vụ án để đánh giá và đưa ra kết luận về tính hợp pháp, đầy đủ của các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, tính vô tư, khách quan, chính xác của các mệnh lệnh, quyết định của người tiến hành tố tụng để đề ra các biện pháp khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quá trình điều tra vụ án hình sự; đồng thời, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra hình sự.

Việc thẩm định có thể thực hiện trong giai đoạn điều tra hoặc sau khi kết thúc điều tra vụ án hình sự.

Tài liệu thẩm định không đưa vào hồ sơ vụ án hình sự.

2. Thẩm định vụ án hình sự phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính trung thực, vô tư, khách quan, toàn diện, đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời và giữ bí mật theo quy định của pháp luật;

b) Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thể quyết định thẩm định vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:

a) Có dấu hiệu thiếu khách quan, tiêu cực hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ án;

b) Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội;

c) Có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng;

d) Viện kiểm sát nhân dân từ chối phê chuẩn hoặc hủy bỏ lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra;

đ) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung vì để lọt tội phạm hoặc có vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng;

e) Vụ án phải điều tra lại;

g) Những vụ án khác mà Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền xét thấy cần thiết phải thẩm định.

4. Thẩm quyền quyết định việc thẩm định:

a) Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do các cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân tiến hành điều tra;

b) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do các cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân tiến hành điều tra;

c) Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh) quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh tiến hành điều tra;

d) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) tiến hành điều tra;

đ) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tiến hành điều tra.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Mục 1

CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN

Điều 6. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

b) Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra;

c) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với các cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân;

e) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ (trừ các trại tạm giam thuộc Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an);

g) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

b) Một Phó tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó thủ trưởng thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

c) Một Phó tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm phụ trách Cơ quan đại diện Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm tại thành phố Hồ Chí Minh là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

d) Chánh Văn phòng và một Phó chánh văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (phụ trách Cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh) là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

đ) Cục trưởng các cục: Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tổ chức trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (trừ các tội phạm về ma túy) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra